

LƯU THÔNG TIỀN MẶT NGOẠI TỆ TRÊN THỊ TRƯỜNG TỰ DO HẬU QUẢ CỦA TÌNH TRẠNG ĐÔ LA HOÁ TRONG XÃ HỘI

TS. Hà Thị Sáu*

Việt Nam là một nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, trải qua nhiều biến đổi thăng trầm của lịch sử. Người dân còn có tâm lý nặng nề cất trữ để giành và thói quen sử dụng tiền mặt rất lớn. Thực hiện cơ chế mở cửa nền kinh tế, hội nhập với khu vực và quốc tế, các nguồn vốn nước ngoài, đặc biệt là nguồn ngoại tệ chính thức và không chính thức đưa vào nước ta ngày càng lớn và tăng lên: từ nguồn kiều hối và thu nhập của người Việt Nam đi xuất khẩu lao động, ước tính đạt 2,5 -> 2,6 tỷ USD trong năm 2004; từ nguồn buôn lậu, từ nguồn người Việt Nam đi công tác, làm ăn và học tập ở nước ngoài mang về; từ nguồn chi tiêu khoảng 2,5 triệu khách quốc tế đến nước ta trong năm 2003 và khoảng 2,7 triệu trong năm 2004... Cộng với những nhân tố khác của nền kinh tế, gây tác động đến nguồn ngoại tệ tiền mặt lưu thông trên thị trường tự do tăng lên.

Nguồn ngoại tệ nói chung và ngoại tệ tiền mặt nói riêng không ngừng tăng lên, có những mặt lợi và mặt bất lợi đối với nền kinh tế. Do đó

cần phải thấy rõ tính tất yếu khách quan của vấn đề này, để có nhận thức và giải pháp đúng. Một trong những hậu quả quan trọng đó là tình trạng đô la hoá nền kinh tế.

Tình trạng đô la hoá nền kinh tế đứng trên góc độ quản lý có 3 khía cạnh: *Đô la hoá tài sản nợ trong hệ thống ngân hàng, thường là tính tỷ lệ tiền gửi đô la Mỹ trong tổng tiền gửi của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM)*. Tỷ lệ này ở nước ta cũng tăng nhanh trong những năm gần đây, hiện nay là trên 30%, ở hai thành phố lớn: Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là trên 40%. Theo đánh giá của IMF đây là tỷ lệ cao đối với Việt Nam.

- Đô la hoá tài sản có trong hệ thống ngân hàng, thường là tính tỷ lệ dư nợ cho vay bằng USD trong tổng dư nợ

cho vay. Tỷ lệ này ở nước ta hiện nay khoảng trên 20% và có xu hướng tăng lên trong năm 2003 và năm 2004 do lãi suất vốn vay ngoại tệ chỉ bằng 1/3 lãi suất vay vốn nội tệ, trong khi tỷ giá ổn định, năm 2002 tỷ giá VND/USD chỉ tăng 2,1%, năm 2003 chỉ tăng khoảng 1,8% và trong 9 tháng đầu năm 2004 chỉ tăng 0,3%. Đối tượng được vay vốn ngoại tệ mở rộng hơn trước. Theo đánh giá của IMF đây là tỷ lệ không đáng quan tâm. Thời gian qua tỷ lệ này có tăng do các ngân hàng giải ngân các dự án trọng điểm của quốc gia, như: Công trình điện Phú Mỹ, đường dẫn khí đốt Nam Côn Sơn, dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất, một loạt nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng... mỗi dự án hàng trăm triệu USD trong nước thanh toán cho phía



Học viện Ngân hàng (*)

nước ngoài. Đồng thời, do lãi suất vay vốn USD ở mức thấp, chỉ bằng 1/3 so với lãi suất vay vốn nội tệ, NHNN cũng cho phép mở rộng đối tượng vay vốn ngoại tệ, nên dư nợ cho vay ngoại tệ tăng lên. Song cũng không đáng lo ngại, bởi vì thay cho việc các dự án trong nước phải vay vốn nước ngoài với lãi suất cao lại chịu phí vay vốn, bị ép đặt nhiều thứ, đặc biệt là phải mua máy móc thiết bị do bên cho vay chỉ định.

- *Đô la hoá trong xã hội, thường được tính bằng tỷ trọng USD trong tổng phương tiện thanh toán.* Đối với tổng phương tiện thanh toán là VND thì việc tính toán khá thuận lợi, nhưng đối với USD thì thật khó, bởi vì như trên đã phân tích USD được chuyển ra vào nước ta qua con đường cá nhân, trực tiếp không qua hệ thống ngân hàng, nên rất khó, nhưng quan sát và ước tính thì nó lên tới vài tỷ USD không phải là quá thấp so với thực tế. Do đó, bằng các công cụ quản lý gián tiếp nhà nước cần tác động vào nền kinh tế để giảm tỷ trọng này.

Đứng trên góc độ chủ sở hữu, Đô la hoá có ba đối tượng:

- *Quốc gia, bao gồm quỹ dự trữ ngoại hối của quốc gia và quỹ dự trữ bình ổn tỷ giá của NHTW, được thực hiện chủ yếu bằng đô la Mỹ, gần đây một số nước có tăng tỷ lệ EUR trong cơ cấu dự trữ ngoại tệ của mình, nhưng chủ yếu vẫn là USD.* Khoản dự trữ

này lớn thể hiện tiềm lực kinh tế của quốc gia cũng như mức độ ổn định nền kinh tế. Theo số liệu của IMF, con số dự trữ của nước ta hiện nay tương đương với khoảng 13-14 tuần nhập khẩu. Nguồn dự trữ ngoại tệ quốc gia càng lớn thì càng mừng chứ không có gì đáng lo ngại.

- *Doanh nghiệp, theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp phải thực hiện tỷ lệ kết hối.* Chính sách kết hối được ban hành từ năm 1998 đã mang lại hiệu quả tích cực: các NHTM hàng năm đã mua được một lượng lớn ngoại tệ, góp phần giảm căng thẳng, ổn định cung cầu ngoại tệ, hạn chế việc đầu cơ găm giữ ngoại tệ của một số doanh nghiệp. Từ tháng 5/2003, tỷ lệ kết hối đã được giảm xuống còn 0%. Do đó, đô la hoá trong tài sản của doanh nghiệp có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và việc các NHTM mua được một lượng lớn ngoại tệ trong thời gian thực hiện chính sách đã phân rào ảnh hưởng đến mức độ đô la hoá đối với đối tượng là các doanh nghiệp.

- *Dân cư, đây là con số lớn và vấn đề đáng quan tâm. Họ để trên 3 kênh khác nhau:*

+ Gửi vào ngân hàng vừa an toàn, vừa được hưởng lãi. Do nhận thức của người dân ngày càng được nâng cao, hệ thống ngân hàng ngày càng hoạt động ổn định, có uy tín và tiện lợi hơn, cộng với lãi suất tiền gửi USD của các NHTM nhiều thời điểm hấp dẫn, nên lượng tiền gửi và số

lượng người gửi USD vào các NHTM tăng nhanh. Theo nhiều nguồn thông tin khác nhau đã công bố, hiện số tiền gửi ngoại tệ của dân cư trong hệ thống NHTM ở Việt Nam không thấp hơn 3 tỷ USD.

+ *Cất trữ, để giành trong nhà, không gửi vào ngân hàng.* Trong thời gian gần đây qua theo dõi phân tích số liệu về diễn biến cơ cấu tiền gửi trong hệ thống NHTM cho thấy, do lãi suất tiền gửi USD xuống quá thấp, bình quân khoảng 2,2% năm, chỉ bằng 1/4 so với lãi suất tiền gửi VND, nên lượng tiền gửi USD vào các NHTM không tăng, và người dân cũng không chuyển đổi từ USD sang VND để gửi vào ngân hàng hưởng lãi cao hơn, mà nhiều người cất trữ trong nhà.

+ *Sử dụng trong thanh toán, thường là các khoản có giá trị lớn và các loại hàng hoá đòi hỏi số tiền lớn; hoặc những người thường xuyên có nhu cầu mua bán, thanh toán bằng USD.*

Hai kênh sau này rất khó dự đoán nhưng như đã nói có nhiều con số ước tính khác nhau, khoảng vài tỷ USD trong dân không phải là không có cơ sở. Đây là nguồn ngoại tệ chúng ta cần thu hút vào hệ thống ngân hàng.

Hậu quả của tình trạng đô la hoá nền kinh tế được thể hiện ở các nội dung dưới đây:

Một là, đô la hoá làm yếu kém hoạt động và hiệu quả chính sách tài chính

Đô la hoá, với việc sử dụng

ngoại tệ mặt ở mức độ lớn, làm giảm nguồn thu cho Chính phủ từ in tiền và phát hành tiền nội tệ, làm trầm trọng hơn tác động lạm phát từ việc tài trợ thâm hụt ngân sách thông qua hệ thống ngân hàng. Ở Argentina, trong những năm sau khi tiến trình đô la hoá, doanh thu từ thuế in và phát hành tiền giảm 0,3% so với GDP. Đô la hoá kích thích buôn lậu và các hoạt động kinh doanh khác không thanh toán qua ngân hàng, làm thất thu thuế cho Chính phủ, đồng thời tình trạng đô la hoá cũng làm yếu kém hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, Chính phủ hoặc là giảm nguồn thu, hoặc là phải chi thêm tiền tài trợ cho các doanh nghiệp này...

Chính phủ cũng phải chi phí nhiều tiền hơn cho việc thu hồi nội tệ và đưa ngoại tệ vào lưu thông. Bởi vì các nước chính thức áp dụng đô la hoá cần phải có một lượng ngoại tệ đủ để thay thế số nội tệ trong lưu thông. Theo số liệu của IMF, năm 1982 chi phí trung bình đối với các nước tiến hành đô la hoá chính thức vào những năm 70 tương đương 4 – 5% GDP.

Hai là, Đô la hoá làm giảm hiệu lực điều hành chính sách tiền tệ của NHTW

Đô la hoá không chính thức làm cho cầu nội tệ không ổn định. Bởi vì nếu như nhiều người bất ngờ chuyển sang ngoại tệ sẽ làm cho nội tệ mất giá và bắt đầu một chu kỳ lạm phát tiền tệ, tức là xuất hiện

tình trạng thừa nội tệ trong lưu thông. Muốn cứu nội tệ, NHTW chỉ còn cách tung ngoại tệ ra để thu hút bớt nội tệ về. Biện pháp này nhiều khi nằm ngoài khả năng của NHTW vì còn phải đảm bảo quỹ dự trữ ngoại hối của mình. Khi người dân nắm giữ một lượng lớn tiền gửi bằng ngoại tệ, những thay đổi về lãi suất trong nước hay nước ngoài có thể gây ra sự dịch chuyển lớn từ đồng tiền này sang đồng tiền khác, hay còn gọi đó là tình trạng đầu cơ tỷ giá. Những thay đổi này sẽ gây khó khăn cho NHTW trong việc cung ứng tiền và có thể gây ra bất ổn cho hệ thống ngân hàng.

Những cố gắng của NHTW nhằm kìm hãm hay khuyến khích tổng cầu thông qua tăng giảm tín dụng cũng sẽ ít hiệu quả, do thay đổi lãi suất ở nước ngoài sẽ tác động trực tiếp đến các quyết định phân bổ tài sản của những người nắm giữ USD. Nói cách khác những thay đổi lãi suất USD ở nước ngoài sẽ tác động đến tổng cầu trong nền kinh tế đó. Bởi vì khi lãi suất USD trên thị trường quốc tế tăng hay giảm, người nắm giữ USD có xu hướng thu hẹp hay mở rộng tiêu dùng và đầu tư. Như vậy, việc thi hành chính sách lãi suất thấp trong trường hợp kinh tế suy thoái không chắc đã khuyến khích đầu tư, mà có thể làm nảy sinh tâm lý chuyển đổi sang USD nhằm bảo tồn giá trị tài sản tài chính.

Trong trường hợp đô la hoá chính thức, chính sách

tiền tệ và việc điều hành công cụ lãi suất sẽ được quyết định bởi Cục dự trữ liên bang Mỹ, trong khi một quốc gia đang phát triển và một nền kinh tế hùng mạnh như Mỹ không có những chu kỳ tăng trưởng kinh tế giống nhau. Giả sử nếu có xảy ra một quá trình điều chỉnh cho phù hợp, thì quá trình đó cũng sẽ phải kéo dài nhiều năm. Sự khác nhau tại hai khu vực kinh tế đòi hỏi phải có những chính sách tiền tệ khác nhau.

Ngoại tệ mặt được thực hiện các chức năng lưu thông, thanh toán, cất trữ... song hành với nội tệ và làm cho việc tính toán tổng phương tiện thanh toán không chính xác, ảnh hưởng đến việc xác định khối lượng tiền cung ứng hàng năm và đến các mục tiêu khác.

Ba là, đô la hoá làm giảm hiệu lực của chính sách tỷ giá

Đô la hoá làm giảm hiệu lực điều hành chính sách tỷ giá, bởi vì một khối lượng lớn ngoại tệ mặt lưu thông trên thị trường này, nhưng có tác động đến tỷ giá trên thị trường chính thức, ảnh hưởng đến hiệu lực chính sách điều hành tỷ giá, gây nên tình trạng đầu cơ ngoại tệ của các nhà kinh doanh, của các NHTM, tình trạng găm giữ ngoại tệ trong dân chúng, găm giữ ngoại tệ của các doanh nghiệp tư nhân...

Đô la hoá tác động đến cơ chế truyền dẫn của tỷ giá hối đoái, tạo áp lực phá giá nội tệ.

Bốn là, Đô la hoá chính

thức làm mất đi vai trò NHTW và chức năng cho vay cuối cùng của NHTW.

NHTW với vai trò cung ứng tiền và can thiệp trên thị trường tiền tệ, can thiệp điều hành tỷ giá. Song trong điều kiện nền kinh tế chính thức bị đô la hoá, USD được sử dụng thay cho nội tệ, thì rõ ràng vai trò của NHTW quốc gia không còn, không thể đảm nhiệm chức năng cho vay cuối cùng. Mọi diễn biến của USD phụ thuộc vào điều hành của Cục dự trữ liên bang Mỹ và diễn biến thị trường ngoại hối quốc tế.

Năm là, tác động thúc đẩy buôn lậu phát triển

Để thực hiện buôn lậu, phương tiện thanh toán tiện lợi nhất là ngoại tệ mặt. Do đó tình trạng lưu thông ngoại tệ mặt tạo điều kiện cho các đối tượng buôn lậu trên đất liền, trên biển, qua đường hàng không dễ dàng vận chuyển, thanh toán cho các

đối tượng kinh doanh mà không lệ thuộc vào thanh toán qua ngân hàng, cũng như sự kiểm soát của các cơ quan chức năng thông qua hệ thống sổ sách kế toán, qua hệ thống ngân hàng.

Sáu là, hậu quả khác

Hệ thống ngân hàng chậm thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế, như kinh doanh ngoại hối... Nạn đô la giả nhà nước không kiểm soát được, mất an ninh tài chính tiền tệ quốc gia, kích thích tham nhũng và nhiều tiêu cực xã hội khác. Bởi vì sử dụng tiền mặt ngoại tệ tiện dụng hơn nhiều so với tiền mặt đồng Việt Nam. Nhà nước không huy động được vốn cho phát triển, thiếu vốn phải đi vay vốn nước ngoài với lãi suất cao chịu thiệt thòi về nhiều mặt, như bị ép giá, phải mua thiết bị do người cho vay chỉ định... Nhà nước và nhân dân không thu được khoản lãi suất nếu đem gửi ở nước ngoài.

Đô la hoá là tình trạng khó tránh khỏi đối với các nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam. Trong khi mệnh giá VND còn nhỏ, thanh toán không dùng tiền mặt chưa phát triển, đồng Việt Nam chưa ổn định và chưa được người dân đặt niềm tin nhiều lắm, buôn lậu có cơ hội phát triển...

Trước thực trạng nói trên đòi hỏi phải khắc phục dần từng bước, tức là chưa thể một sớm, một chiều giải quyết triệt để vấn đề này song cần có các biện pháp nâng cao dần mệnh giá đồng Việt Nam, ổn định nội tệ, thắt chặt việc thực hiện các quy định về bán hàng và dịch vụ trong nước thu bằng ngoại tệ, kiểm soát chặt chẽ tình trạng buôn lậu, tăng cường quản lý các bàn thu đổi ngoại tệ ủy nhiệm của các NHTM, tập trung là các cửa hàng vàng bạc tư nhân... ■

■ Theo DDDN/BVOM, trong 5 tháng vừa qua giá phân bón trên thị trường VN đã tăng tương đương với mức tăng của 5 năm trở lại đây. Việc giá phân bón tăng cao trên 80% là chưa từng có trong lịch sử phân bón thế giới hơn 30 năm qua. Đến nay phân urê ở VN đã ở ngưỡng 265-270 USD/tấn. Theo dự báo của Bộ Thương mại giá phân bón sẽ tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm 2004 và đầu 2005.

■ Theo FAO, trong khi giá phân bón tăng 100%, giá gạo mới tăng được 15%. điều này gây nhiều thiệt hại đối với các nước sống bằng nghề nông nghiệp, đặc biệt thiệt hại kinh tế mà nông dân phải gánh chịu là rất lớn. Không những vậy giá phân bón tăng còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền nông nghiệp bền vững.

■ Theo Yonhap, tính đến cuối tháng 9, Hàn Quốc là nước dự trữ ngoại tệ lớn thứ 4 thế giới với 174,4 tỉ đô la. Nhật Bản và Đài Loan là 2 nước có nguồn dự trữ ngoại tệ nhanh nhất với 831 tỉ đô la và 233 tỉ đô la.